TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tư và bà Phan Thị Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Diệu N, sinh năm 1999; địa chỉ: Bon B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng (*trước đây là bon B, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*) – *Có mặt*.

- Bị đơn: Anh Đinh Quốc A, sinh năm 1989; địa chỉ: Bon B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng (*trước đây là bon B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông*) – *Có mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08-4-2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Diệu N trình bày:

Chị và anh Đinh Quốc A đăng ký kết hôn ngày 06-6-2017 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng*) trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Đinh Vũ Gia H1 (*sinh ngày 19-5-2019*) và cháu Đinh Vũ Đức H2 (*sinh ngày 01-01-2022*). Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu H1 và H2 đến tuổi thành niên; yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi

con số tiền mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Quốc A trình bày:

Anh và chị Vũ Thị Diệu N đăng ký kết hôn ngày 06-6-2017 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng*) trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, chị N đã bỏ về nhà ngoại từ ngày 04-6-2021 đến nay nên anh đồng ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị N.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Đinh Vũ Gia H1 (*sinh ngày 19-5-2019*) và cháu Đinh Vũ Đức H2 (*sinh ngày 01-01-2022*). Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 đến tuổi thành niên; giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H2 đến tuổi thành niên, anh sẽ cấp dưỡng nuôi cháu H2 số tiền 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nêu nội dung vụ án, phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Diệu N:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Diệu N và anh Đinh Quốc A.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Đinh Vũ Gia H1 (*sinh ngày 19-5-2019*) và cháu Đinh Vũ Đức H2 (*sinh ngày 01-01-2022*) cho chị Vũ Thị Diệu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh Đinh Quốc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*)/tháng/02 con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại bon B, xã Q, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Diệu N, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh A đăng ký kết hôn ngày 06-6-2017 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là xã Q, tỉnh Lâm Đồng*) trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị N và anh A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đồng thời, chị N và anh A thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh A.

[2.2]. Về con chung:

[2.2.1]. Chị N và anh A xác định anh chị có 02 con chung là cháu Đinh Vũ Gia H1 (*sinh ngày 19-5-2019*) và cháu Đinh Vũ Đức H2 (*sinh ngày 01-01-2022*).

[2.2.1.1]. Đối với cháu H2 thì chị N và anh A thống nhất giao cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2.1.2]. Đối với cháu H1 thì chị N và anh A đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H1 đến tuổi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị N cung cấp bảng lương thể hiện chị đang làm việc tại cửa hàng X với mức thu nhập trung bình hàng tháng là 11.021.485 đồng. Anh A trình bày trước đây anh làm cho Công ty ở ngoài Bắc với mức thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng nhưng đã nghỉ, hiện nay anh làm công việc thợ xây và nhận khoán rẫy của người khác để làm theo mùa, không có thu nhập ổn định.

Anh chị ly thân trong thời gian chị N đang mang thai và sinh cháu H2, sau khi ly thân thì cháu H1 và cháu H2 sống với chị N. Trong thời gian ly thân từ năm 2021 đến nay, anh A chỉ gửi cho chị N tổng số tiền 5.000.000 đồng để phụ nuôi hai con và chỉ gửi khi chị N yêu cầu, điều này thể hiện anh A chưa thực sự

thể hiện hết trách nhiệm, nghĩa vụ của người cha. Bản thân cháu H1 và cháu H2 sống với nhau từ nhỏ nên gắn bó và được chị N nuôi dạy tốt, khỏe mạnh. Mặc dù cháu H1 chưa đủ 07 tuổi nhưng Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu, tại văn bản ghi nhận ý kiến ngày 17-7-2025, cháu H1 trình bày hiện cháu đang sống cùng mẹ và em trai nên khi bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ và em trai.

Xét thấy, chị N chứng minh được điều kiện kinh tế có khả năng nuôi con còn anh A không chứng minh được. Mặt khác, để đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất của các con, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, tạo điều kiện cho hai anh em được cùng nhau sinh hoạt, học tập, không bị chia rẽ gây ảnh hưởng đến tâm lý của các con, đồng thời cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu H1 muốn được sống cùng mẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp.

[2.2.2]. Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã giải thích nhưng chị N xác định chị có khả năng, điều kiện nuôi con và chỉ yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi con số tiền mỗi con 1.000.000 đồng/tháng (*thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú*). Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng quyền tự định đoạt và chấp nhận mức cấp dưỡng mà chị N yêu cầu.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do trước khi mở phiên tòa, chị N và anh A tự nguyện ly hôn nhưng không thỏa thuận được về con chung mà Tòa án xét xử và ra bản án sơ thẩm nên chị N và anh A phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (*mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định*); anh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*); áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 11

Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Diệu N:

1.1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Diệu N và anh Đinh Quốc A.

1.2. Về con chung:

1.2.1. Giao hai con chung là cháu Đinh Vũ Gia H1 (*sinh ngày 19-5-2019*) và cháu Đinh Vũ Đức H2 (*sinh ngày 01-01-2022*) cho chị Vũ Thị Diệu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.2.2. Về cấp dưỡng nuôi con:

1.2.2.1. Anh Đinh Quốc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Vũ Gia H1 (*sinh ngày 19-5-2019*) số tiền mỗi tháng là 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đinh Vũ Gia H1 đến tuổi thành niên.

1.2.2.2. Anh Đinh Quốc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đinh Vũ Đức H2 (*sinh ngày 01-01-2022*) số tiền mỗi tháng là 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đinh Vũ Đức H2 đến tuổi thành niên.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc thay đổi nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Vũ Thị Diệu N và anh Đinh Quốc A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Chị Vũ Thị Diệu N phải chịu 75.000 đồng *(bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số Y ngày 05-5-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (*nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Lâm Đồng*); trả lại cho chị Vũ Thị Diệu N số tiền 225.000đ (*hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

2.2. Anh Đinh Quốc A phải chịu 75.000 đồng *(bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 7 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 7 - Lâm Đồng;
- UBND xã Q, tỉnh Lâm Đồng (*đăng ký số 39/2017 ngày 06-6-2017 tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cũ*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Trang